| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VŨNG TÀU**<br>**TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 57/2018/HS-ST
Ngày 20-04-2018

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU**
**TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lương Thị Thanh Hảo
*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Anh Đắc
Ông Nguyễn Văn Tám

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Thị Thu Nga – Thư ký của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên toà:*** Ông Trần Văn Hiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 04 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 38/2018/HSST ngày 19 tháng 03 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2018/HSST-QĐXX ngày 02 tháng 4 năm 2018, đối với các bị cáo:

**1. Nguyễn Văn Long H**, sinh ngày 24 tháng 02 năm 1996 tại Bà Rịa – Vũng Tàu; nơi đăng ký HKTT: Ấp B, xã C, huyện M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; chỗ ở: không xác định; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn P và bà Đoàn Thị Q; tiền sự: không; tiền án: Bản án số 164/2016/HSST ngày 26-07-2016 của Tòa án nhân dân thành phố VT xử phạt 18 tháng tù về tội " Trộm cắp tài sản"; bị bắt ngày 23 tháng 11 năm 2017, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố VT (có mặt).

**2. Nguyễn Ngọc S** ( tên gọi khác: S mót), sinh ngày 06 tháng 04 năm 1992 tại Bà Rịa – Vũng Tàu; nơi đăng ký HKTT: không xác định; chỗ ở: Số 259/20 đường P, Phường T, thành phố VT, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: 4/12; dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Ngọc T; tiền sự: không;

Tiền án:

- Bản án số 55/2013/HSST ngày 27-03-2013 của Tòa án nhân dân thành phố VT xử phạt 15 tháng tù về tội " Cố ý gây thương tích".

- Bản án số 163/2016/HSST ngày 25-07-2016 của Tòa án nhân dân thành phố VT xử phạt 12 tháng tù về tội " Trộm cắp tài sản".

Bị bắt ngày 23 tháng 11 năm 2017, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố VT (có mặt).

*Bị hại :*

1. Trần Quốc Vt, sinh năm sinh năm 1991; nơi cư trú: Số 02-04 đường P, phường T, thành phố VT, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ( vắng mặt).

2. Nguyễn Ngọc Minh Q, sinh năm 1990; nơi cư trú: Số 59 đường T, phường N, thành phố VT, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ( vắng mặt).

3. Trần Thị Kiều M, sinh năm 1974; nơi cư trú: Số 98 đường L, khu phố 6, phường N, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: Trần Ngọc Q, sinh năm 1964; nơi cư trú: Số 98 đường L, khu phố S, phường N, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Nguyễn Văn Long H và Nguyễn Ngọc S đều có tiền án, chấp hành xong hình phạt tù, lại tiếp tục rủ nhau thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố B và thành phố VT, cụ thể như sau:

**Vụ thứ nhất:** Khoảng 03 giờ sáng ngày 20-11-2017, H và S rủ nhau đi trộm cắp tài sản, cả hai đi bộ tới khu vực quán VC ở số 02-04 đường P, phường T, thành phố VT; S đứng ngoài cảnh giới, H leo rào vào trong nhà thấy anh Trần Quốc V đang nằm ngủ trong phòng, H lén lút lấy 01 điện thoại di động hiệu Vivo 1601 trên đầu giường.

**Vụ thứ hai:** Vào khoảng 00 giờ ngày 23-11-2017, H và S đi xe mô tô biển số 63B9-589.56, khi cả hai đi đến số nhà 59 đường T, phường N, thành phố VT phát hiện nhà không đóng cửa chính nên S đứng ngoài cảnh giới, H trèo qua tường rào, chui qua song sắt bảo vệ vào nhà. H thấy chùm chìa khóa trên bàn gỗ ở phòng khách nên lấy mở cổng để S cùng vào nhà. H và S lục soát lấy được tài sản gồm : 01 xe mô tô hiệu SH biển số 72C1-791.31; 01 điện thoại di động hiệu Sam sung Galasy S8; 01 dây chuyền màu trắng; tiền mặt 8.350.000đ; 02 tờ giấy bạc 20 USD; 03 tờ giấy bạc 100 đôla Malaysia.

Ngoài ra, Nguyễn Văn Long H cùng với một đối tượng tên M (chưa xác định được nhân thân) còn thực hiện 01 vụ trộm cắp trên địa bàn thành phố B, cụ thể như sau: Khoảng 23 giờ ngày 10-11-2017, M điều khiển xe mô tô chở H đến số nhà 108 đường L, khu phố S, phường N, thành phố B phát hiện anh Trần Ngọc Q đang nằm ngủ trên võng, có 02 điện thoại di động hiệu Nokia để dưới võng. M ở ngoài cảnh giới, H vào lấy 02 điện thoại.

Sau đó, H thấy nhà 98 đường L, khu phố S, phường N, thành phố B không khóa nên H vào nhà đi từ lầu 1 đến lầu 3. H lấy được 05 chai rượu, 01 ti vi hiệu Sony, 01 hộp thuốc xì gà, 01 xe mô tô nhãn hiệu Vario biển số 72H1-214.66 của chị Trần Thị Kiều M. H và M đến thành phố Hồ Chí Minh bán xe mô tô bán được 8.000.000đ, 01 ti vi được 4.000.000; chia nhau mỗi người 6.000.000đ; còn rượu và thuốc sử dụng.

**Biên bản xác định giá trị tài sản của Hội đồng định giá xác định:**

- Tài sản của anh Trần Quốc V: 01 điện thoại di động hiệu Vivo 1601 của anh Trần Quốc V trị giá 2.850.000đ.

- Tài sản của anh Nguyễn Ngọc Minh Q: 01 xe mô tô biển số 72C1-791.31 trị giá 45.500.000đ; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S8 trị giá 9.500.000đ; tiền Việt Nam 8.350.000đ; 02 tờ giấy bạc mỗi tờ mệnh giá 20 USD và 03 tờ giấy bạc mỗi tờ mệnh giá 100 đôla Malaysia trị giá tương đương 2.559.769 đ ( Căn cứ tỷ giá trao đổi ngoại tệ ngày 23-11-2017 của Ngân hàng TMCP N chi nhánh VT ), 01 dây chuyền bạc từ chối định giá. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 65.909.769 đ.

- Tài sản của chị Trần Thị Kiều M: 01 xe mô tô hiệu Vario biển số 72H1-214.66 trị giá 46.667.000đ.

Đối với các tài sản gồm: 05 chai rượu, 01 ti vi hiệu Sony, 01 hộp thuốc xì gà của chị Trần Thị Kiều M và 02 điện thoại di động hiệu Nokia của anh Trần Ngọc Q do không có giấy tờ chứng minh nguồn gốc xuất xứ; nên Hội đồng định giá không định giá được, từ chối định giá.

Do tài sản bị mất của anh Trần Ngọc Q không xác định được giá trị tài sản, không có căn cứ xác định yếu tố cấu thành định lượng, nên anh Trần Ngọc Q chỉ là người liên quan trong vụ án.

Đối tượng tên M (chưa xác định được nhân thân), Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau theo quy định pháp luật.

Bản cáo trạng số 37/CT-VKS ngày 15-03-2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố VT đã truy tố Nguyễn  Văn Long H về tội " Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015; truy tố Nguyễn Ngọc S về tội " Trộm cắp tài sản" theo điểm c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi các bị cáo thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội " Trộm cắp tài sản". Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c, g khoản 2 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt các bị cáo H, S mức án từ 03 năm đến 04 năm tù.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên toà, các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng và ý kiến luận tội của Viện kiểm sát, công nhận Viện kiểm sát truy tố đúng tội danh; các bị cáo không

có ý kiến gì tự bào chữa cho hành vi phạm tội của mình, chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố VT, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố VT, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Bị cáo H thực hiện 01 vụ trộm cắp tại thành phố B nhưng bị bắt tại thành phố VT nên thẩm quyền điều tra thuộc Cơ quan điều tra Công an thành phố VT.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo xác định trong tháng 11 năm 2017, các bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của chủ tài sản, lén lút thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố VT và thành phố BR thuộc tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Trong đó các bị cáo H, S cùng nhau trộm cắp 02 vụ tại thành phố VT; bị cáo H cùng đối tượng tên M ( chưa xác định được nhân thân) trộm cắp 02 vụ tại thành phố B. Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và lời khai của các đương sự, biên bản tạm giữ vật chứng, kết quả định giá và các tài liệu chứng cứ khác đã được các cơ quan tiến hành tố tụng thu thập trong hồ sơ vụ án và thẩm tra lại tại phiên tòa.

Xét bị cáo H thực hiện 03 vụ trộm cắp, chiếm đoạt tổng trị giá tài sản là 115.426.769 đ, mỗi vụ tài sản chiếm đoạt đều trị giá trên 2.000.000đ. Vì vậy, hành vi bị cáo H thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 với tình tiết định khung hình phạt: chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đ đến dưới 200.000.000 đ.

Xét bị cáo S thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản, chiếm đoạt tổng trị giá tài sản là 68.759.769 đồng, mỗi vụ tài sản chiếm đoạt đều trị giá trên 2.000.000đ. Bị cáo S có hai tiền án, đã tái phạm, chưa được xóa án tích, nay lại phạm tội do cố ý, thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Vì vậy, hành vi bị cáo S thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 với các tình tiết định khung hình phạt: chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đ đến dưới 200.000.000đ, tái phạm nguy hiểm.

So sánh thấy tội "Trộm cắp tài sản" theo Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định mức tối đa của khung hình phạt nặng nhất nhẹ hơn so với tội " Trộm cắp tài sản " theo Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 ( hình phạt tù đến

20 năm so với hình phạt tù chung thân). Nên áp dụng khoản 3 Điều 7; Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 để quyết định trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

[3] Xét các bị cáo không bàn bạc thống nhất trước việc thực hiện hành vi phạm tội, sự cấu kết chưa đến mức chặt chẽ, nên hành vi phạm tội các bị cáo thực hiện chỉ mang tính chất đồng phạm giản đơn. Nên xử phạt các bị cáo mức án tương ứng với hành vi phạm tội và tương ứng với các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

[4] Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại quyền sở hữu tài sản công dân, gây mất trật tự an ninh xã hội tại địa phương. Các bị cáo đã bị xử phạt hình sự mức án nghiêm nhưng vẫn tiếp tục phạm tội, chứng tỏ các bị cáo không có ý thức ăn năn hối cải. Vì vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo cần xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật, nhằm giáo dục cải tạo riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều bị áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần, bị cáo H bị áp dụng thêm tình tiết tăng nặng tái phạm.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo tự thú về hành vi phạm tội trước đó; thành khẩn khai báo; nên giảm cho các bị cáo một phần mức án.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại Trần Quốc V, Nguyễn Ngọc Minh Q xác định đã nhận lại tài sản bị mất, không yêu cầu gì thêm về phần trách nhiệm dân sự nên HĐXX không xem xét.

- Người bị hại Trần Thị Kiều M yêu cầu bị cáo H bồi thường tài sản bị mất số tiền 46.667.000đ.

- Người liên quan Trần Ngọc Q yêu cầu bị cáo H bồi thường tài sản bị mất số tiền 2.000.000 đ.

Tại phiên toà, bị cáo H đồng ý bồi thường cho chị M số tiền 46.667.000đ, bồi thường cho anh Q 2.000.000 đ.

Xét yêu cầu của các đương sự có căn cứ, sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo H và các đương sự đúng quy định pháp luật nên công nhận sự thỏa thuận này.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Xe mô tô hiệu Savant, biển số 63B9-589.56 thu của bị cáo S, bị cáo khai xe mua lại nhưng không làm giấy tờ mua bán, chưa làm thủ tục chuyển nhượng quyền sở hữu. Xét bị cáo S không có chứng cứ chứng minh bị cáo là chủ sở hữu hợp pháp hoặc có quyền quản lý hợp pháp chiếc xe trên. Cơ quan điều tra đã thông báo tìm chủ sở hữu trên Báo Bà Rịa – Vũng Tàu ngày 26-02-2018, đến thời điểm hiện tại không có ai tranh chấp, bị cáo S sử dụng làm phương tiện phạm tội nên tịch thu sung quỹ nhà nước;

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu trắng thu của bị cáo S, bị cáo đã sử dụng làm phương tiện liên lạc để thực hiện tội phạm, nên tịch thu sung quỹ nhà nước.

[9] Về án phí : Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 5% giá trị tài sản phải bồi thường.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn Long H, Nguyễn Ngọc S phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; các điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt Nguyễn Văn Long H 03 ( ba ) năm 06 ( sáu ) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 23 tháng 11 năm 2017.

3. Áp dụng điểm c, g khoản 2 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt Nguyễn Ngọc S 03 ( ba ) năm 06 ( sáu ) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 23 tháng 11 năm 2017.

4. Trách nhiệm dân sự : Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586, khoản 1 Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015; Nguyễn Văn Long H có nghĩa vụ bồi thường cho chị Trần Thị Kiều M số tiền 46.667.000đ ( bốn mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi bảy ngàn đồng), bồi thường cho anh Trần Ngọc Q số tiền 2.000.000 đ ( hai triệu đồng ).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 xe mô tô hiệu Savant biển số 63B9-589.56 và 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu trắng.

Vật chứng nêu trên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố VT quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng số:77 /BB.THA ngày 15-03-2018.

6. Án phí: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm, Nguyễn Văn Long H phải nộp 2.433.000 đ (hai triệu bốn trăm ba mươi ba ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

7. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ( mười lăm ) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lương Thị Thanh Hảo**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ( PV27);
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND thành phố Vũng Tàu;
- Công an thành phố Vũng Tàu;
- Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu;
- Nhà tạm giữ Công an thành phố Vũng Tàu;
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.